

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10252/UBND-KT
V/v thực hiện Nghị quyết số
218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của
Chính phủ

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (có văn bản gửi kèm theo),

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Đệ có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, rà soát toàn diện các nội dung, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 218/NQ-CP nêu trên và các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan đang triển khai trên địa bàn tỉnh; chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền theo quy định; tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, không trùng lặp.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát, tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung các chương trình, kế hoạch có liên quan hoặc ban hành văn bản triển khai trong trường hợp cần thiết; xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực thực hiện, bảo đảm không phát sinh văn bản trung gian không cần thiết. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền của UBND tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan khác, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT (NN) UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP, Q).

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đặng Thanh Tùng

Số: 218/NQ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị
lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng
và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị
lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát
triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Căn cứ Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026
của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia
biển mạnh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của
Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của
Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng
và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân
dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba,
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng
và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

(Kèm theo Nghị quyết số 218 /NQ-CP
ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Thể chế hóa và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW; cụ thể hóa Chương trình hành động của Bộ Chính trị thành các nhiệm vụ quản lý, điều hành của Chính phủ, bảo đảm rõ nội dung, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, kết quả/đánh giá và thời hạn hoàn thành.

Xác định những nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện; lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, tài chính - ngân sách, quy hoạch và chương trình công tác hằng năm.

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung vào tăng tỷ trọng đóng góp của các địa phương ven biển, phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh, hoàn thiện hạ tầng biển, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, chuyên đổi số, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân vùng biển, đảo.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

Tập trung tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển, đảo và mục tiêu xây dựng, phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ môi trường biển và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

Chuyển mạnh sang tư duy phát triển quốc gia hướng biển, phát triển không gian biển quốc gia và mở rộng không gian phát triển ra vùng biển quốc tế; chủ động dự báo chiến lược, tích cực tham gia và phát huy vai trò trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển và đại dương; kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề quốc tế, khu vực liên quan đến biển, đảo.

Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu, kết nối thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và chính quyền địa phương ven biển; hoàn thiện cơ chế quản trị biển hiện đại, tổng hợp, thống nhất trên cơ sở dữ liệu số, quy hoạch không gian biển và quản trị rủi ro; bảo đảm liên thông dữ liệu, phối hợp hiệu quả giữa các ngành, các cấp và địa phương.

Rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, hải đảo; đề xuất cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển, cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trên biển.

Phối hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách về biển; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan như: đất đai, tài nguyên, môi trường, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực biển, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, ổn định, khả thi và có sức cạnh tranh quốc tế; tháo gỡ các điểm nghẽn, chông chéo, mâu thuẫn.

Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi), bảo đảm quy định rõ cơ chế giao, cho thuê, sử dụng, khai thác không gian biển; nghĩa vụ tài chính; bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và xử lý xung đột trong sử dụng biển.

Tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ban hành quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển; thiết lập cơ chế cập nhật, điều chỉnh linh hoạt, định kỳ; xây dựng bản đồ số và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu và địa bàn chiến lược.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn

Hoàn thiện cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển quốc gia biển mạnh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn đầu tư; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn, dự án trọng điểm có sức

lan tỏa lớn; phát huy hiệu quả nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, tài nguyên, không gian biển và các nguồn lực khác; hướng dẫn tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính - ngân sách và các chương trình, dự án có liên quan.

Rà soát, đề xuất cơ chế hợp tác công tư, tài chính xanh, tài chính biển bền vững, cơ chế chia sẻ rủi ro và các công cụ huy động vốn hợp pháp khác cho hạ tầng biển, năng lượng ngoài khơi, logistics, cảng biển, nuôi biển công nghệ cao và các ngành kinh tế biển mới.

Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp biển nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị; phát triển mạnh các doanh nghiệp biển giữ vai trò dẫn dắt, khuyến khích thu hút kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hình thành các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành lĩnh vực biển quan trọng như dầu khí, hàng hải, logistics, năng lượng tái tạo ngoài khơi, công nghiệp ven biển và nuôi biển công nghệ cao.

Đầu tư, phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên biển, ven biển; huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển và thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền và an ninh không gian biển, đại dương.

Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia, hình thành chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị biển có năng lực tham gia thị trường khu vực và quốc tế.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

Xây dựng chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển, đại dương và khai thác biển sâu; phát triển một số tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển đạt trình độ thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN.

Rà soát mạng lưới viện, trường, cơ sở nghiên cứu hải dương học và cơ sở đào tạo nhân lực biển; xác định nhu cầu đầu tư, lộ trình nâng cấp và cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện, trường trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ biển.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu biển hiện đại, tàu nghiên cứu biển và hệ thống trang thiết bị ngầm tiên tiến, đáp ứng yêu cầu điều tra cơ bản, nghiên cứu biển sâu, đại dương và từng bước làm chủ công nghệ biển.

Xây dựng, kết nối và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển; phát triển bản đồ số đại dương, hệ thống quan trắc, giám sát biển thông minh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị biển.

Xây dựng đề án đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; ưu tiên đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý, kỹ sư, nhà khoa học trong các lĩnh vực đại dương học, kỹ thuật biển, công nghệ biển, quản trị biển hiện đại.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành kinh tế biển mới

Các bộ quản lý ngành chủ động rà soát chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển ngành để hình thành hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại; ưu tiên mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh, phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; phát triển kinh tế biển gần bờ (12 hải lý).

Phát triển ngành dầu khí, công nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, khai thác tài nguyên, khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững; hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với dự án vùng nước sâu, xa bờ, mở cận biên và các dự án năng lượng ngoài khơi.

Phát triển kinh tế hàng hải, hệ thống cảng biển xanh, thông minh, đội tàu vận tải biển, công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu biển và dịch vụ logistics hàng hải; bảo đảm kết nối đồng bộ với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không; rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình Quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển.

Cơ cấu lại ngành thủy sản, giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ có trách nhiệm và nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao; phát triển hạ tầng, giống, bảo quản, chế biến, bảo hiểm thủy sản và chính sách hỗ trợ ngư dân. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm sớm gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC), nâng cao hiệu lực quản lý nghề cá, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản, truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật trên biển. Tăng cường bảo tồn, phát triển nguồn gen, tự chủ sản xuất giống thủy sản; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ nuôi biển hiện đại; từng bước hình thành hệ thống lồng nuôi thông minh, phương tiện và thiết bị phục vụ nuôi biển, ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo.

Phát triển du lịch, dịch vụ biển có thương hiệu quốc tế; hình thành các trung tâm, cụm du lịch biển quy mô lớn, sản phẩm du lịch xanh, du lịch tàu biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, kinh tế đêm và lễ hội biển.

Các bộ, ngành và địa phương có liên quan xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển các ngành kinh tế biển mới như nuôi biển công nghệ cao, dược liệu biển, công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, điện sóng, hydrogen, amoniac xanh và hạ tầng cáp ngầm biển.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển quốc gia, hình thành các trung tâm kinh tế biển

Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối, đặc biệt với hạ tầng giao thông; từng bước mở rộng không gian phát triển ra biển xa, biển sâu và các không gian kinh tế biển mới; hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hành lang kinh tế và các vùng động lực có khả năng cạnh tranh cao, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị quốc gia.

Các địa phương ven biển tích hợp mục tiêu phát triển quốc gia biển mạnh vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chức năng ven biển; bảo đảm liên kết vùng, liên kết đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics - năng lượng.

Có cơ chế, chính sách vượt trội để phát triển khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do và các cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển; thu hút đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực giá trị gia tăng cao; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng và vận hành hạ tầng năng lượng, điện lực ở vùng ven biển, hải đảo.

Phát triển các trung tâm công nghiệp, logistics, năng lượng và đổi mới sáng tạo ven biển; hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực.

Ưu tiên bố trí vốn, huy động nguồn lực xã hội và nguồn vốn hợp pháp khác để kiên cố hóa, nâng cấp hạ tầng thiết yếu tại đảo, vùng ven biển, nhất là hạ tầng điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo

Triển khai các chương trình, kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi nguồn lợi thủy sản, mở rộng và quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều và các hệ sinh thái đặc thù.

Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và hoạt động trên biển; tăng cường thu gom, phân loại, tái chế, xử lý rác thải nhựa ven biển, rác thải nhựa đại dương và chất thải phát sinh từ hoạt động kinh tế biển.

Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và các rủi ro sinh thái; xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường biển phục vụ chỉ đạo, điều hành, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố.

Các bộ, ngành, địa phương ven biển rà soát nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị, hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển; xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình bảo vệ bờ biển, đê biển, phục hồi vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió.

Huy động doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và tổ chức xã hội tham gia bảo vệ, phục hồi, quản lý khu bảo tồn biển và hệ sinh thái biển gắn với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế biển xanh.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng, triển khai đề án phát triển văn hóa biển Việt Nam; số hóa di sản văn hóa biển, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, di sản biển, đảo; xây dựng sản phẩm, không gian văn hóa biển gắn với phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng.

Các bộ, ngành và địa phương ven biển triển khai hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển, hải đảo; ưu tiên hạ tầng thiết yếu, dịch vụ y tế, giáo dục, điện, nước sạch, internet băng rộng và điều kiện sinh kế cho người dân; xây dựng chương trình hỗ trợ ngư dân, cư dân vùng biển, hải đảo chuyển đổi nghề, phát triển sinh kế bền vững, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm, đào tạo nghề và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và chính quyền địa phương phối hợp cùng cố thể trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển trong bảo vệ chủ quyền, an ninh, an toàn trên biển và tham gia phát triển kinh tế biển.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì triển khai các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển; xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ và thực thi pháp luật trên biển, đảo chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tăng cường bảo vệ công trình trọng yếu về cảng biển, năng lượng ngoài khơi, hạ tầng số biển và các công trình kinh tế biển quan trọng; nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố, an ninh hàng hải và xử lý các thách thức an ninh phi truyền thống.

Bộ Quốc phòng chủ trì cùng cơ quan chức năng phòng thủ biển, đảo; phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực; hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển của Tổ quốc.

Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên biển; chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về biển và đại dương; chủ động tham gia xây dựng, hoàn thiện và thúc đẩy thực thi các thể chế, quy tắc, chuẩn mực pháp lý quốc tế về biển; tăng cường vai trò, vị thế, uy tín và đóng góp của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển và đại dương khu vực, toàn cầu.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học biển, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và phát triển các ngành kinh tế biển mới.

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Chương trình hành động này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động rà soát, cập nhật chương trình, kế hoạch hành động của bộ, ngành, địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

2. Đối với nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo hoặc đã có chương trình, đề án đang triển khai, các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện ngay, không ban hành thêm văn bản trung gian không cần thiết; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển; cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trên biển; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; trình Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp nhu cầu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ của Chương trình hành động theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, truyền thông về kết quả triển khai Chương trình hành động; tạo đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng vùng biển, đảo.

6. Trong thời gian Chính phủ xem xét, quyết định cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển, giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động; định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có biển tiếp tục thực hiện các nội dung, giải pháp, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

a) Đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-CP nhưng có nội dung liên quan trực tiếp đến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW: tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được duyệt; đồng thời chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động này. Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, kinh phí hoặc thời gian thực hiện, cơ quan chủ trì đề án, dự án tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

b) Đối với các nhiệm vụ, đề án thuộc Nghị quyết số 26/NQ-CP chưa triển khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động này. Nếu nội dung vẫn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình hành động này. Trường hợp nội dung không còn phù hợp với Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động này thì cơ quan chủ trì chủ động dừng thực hiện mà không phải đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét cho dừng thực hiện.